

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 197/2011/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua,
khen thưởng trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của liên Sở Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 24/TTr-SNV-STC ngày 17 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1128/2007/QĐ-UBND, ngày 27/6/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 197/2011/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng; quy định chi tiết về hồ sơ thủ tục khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng; xử lý hành vi vi phạm về công tác thi đua khen thưởng.

Các quan hệ có liên quan đến thi đua, khen thưởng không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước; các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế; mọi người dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài đều có quyền tham gia các phong trào thi đua của tỉnh; đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Yên đều được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc và căn cứ xét khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng: Thực hiện theo khoản 2 Điều 6 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Việc khen thưởng phải căn cứ vào thành tích đạt được của từng tập thể, cá nhân; thành tích đề nghị khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó. Khen thưởng đột xuất, khen thưởng công lao cống hiến không nhất thiết theo trình tự từ mức khen thấp đến mức khen cao; khen thưởng thành tích hàng năm nhất thiết

phải từ mức khen thưởng thấp đến mức khen thưởng cao; khen thưởng lần sau phải có thành tích cao hơn khen thưởng lần trước.

Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, đơn vị cơ sở, hộ gia đình, cá nhân là công nhân viên chức, công nhân trực tiếp sản xuất, nông dân sản xuất giỏi có thành tích xuất sắc; khen thưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các thành phần kinh tế...; khen thưởng gương người tốt, việc tốt có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác vùng đồng bằng tình nguyện về công tác ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh; các lĩnh vực trọng yếu, khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ yếu kém vươn lên. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, xem xét quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cấp dưới trực tiếp, không nhất thiết phải cấp dưới đề nghị mới khen thưởng.

Điều 4. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các đơn vị, địa phương có thể có các hình thức biểu dương, động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

Việc tổ chức Hội thi, Hội diễn, tôn vinh có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở cấp tỉnh.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

Thi đua thường xuyên (hàng tháng, quý, năm) và thi đua từng đợt theo chuyên đề. Tổ chức thi đua theo ngành, địa phương và theo Khối, Cụm thi đua.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị để đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng pháp luật quy định.

2. Xác định chỉ tiêu và thời gian thi đua phải trên cơ sở chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ tiêu phấn đấu phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải sớm hơn.

3. Xác định biện pháp và kế hoạch tổ chức phối hợp giữa các cấp chính quyền, tổ chức Mặt trận, đoàn thể chính trị, chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của từng đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua đảm bảo thiết thực, hiệu quả; công bố trương hình thức trong thi đua.

4. Tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình... trong từng địa phương, đơn vị. Tổ chức chỉ đạo xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến.

5. Sơ kết (đối với đợt thi đua dài ngày), tổng kết đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm và phổ biến những kinh nghiệm hay, những nhân tố mới, mô hình mới xuất hiện

trong phong trào thi đua; lựa chọn và công khai biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể xuất sắc, tiêu biểu.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh phát động và chỉ đạo phong trào thi đua, công tác khen thưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tư vấn, giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo và kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng có nhiệm vụ giúp Hội đồng và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức tốt phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

3. Thủ trưởng các ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, đơn vị, địa phương mình quản lý; chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, đơn vị, địa phương và của tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, đơn vị, UBND các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua; theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu để đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định, tổ chức tuyên truyền xây dựng điển hình, nhân rộng, phát huy tác dụng và giữ vững các điển hình tiên tiến.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị các cấp trong tỉnh, các tổ chức thành viên Mặt trận, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng, kiến nghị bổ sung sửa đổi những bất hợp lý liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

Phối hợp với các cơ quan chức năng phát động thi đua và tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua của tỉnh và của tổ chức mình.

6. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh và của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt. Đồng thời phê phán kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến

1. Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong các cơ quan, đơn vị; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, ... đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao; có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ; tích cực tham gia các phong trào thi đua.

b) Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức lối sống lành mạnh, được mọi người tín nhiệm.

2. Người lao động làm việc trong các tổ chức kinh tế, xã viên hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và trong các lĩnh vực khác, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, hoạt động xã hội và lao động có năng suất cao thì đơn vị trực tiếp quản lý xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Ngoài các tiêu chuẩn quy định trên, các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến có thời gian công tác liên tục 10 tháng trở lên và tổng số ngày nghỉ trong năm không quá 40 ngày (trừ ngày lễ, ngày nghỉ tuần, nghỉ tết, nghỉ phép năm, nghỉ thai sản).

Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

Các trường hợp chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ. Trường hợp cá nhân có thời gian làm việc từ 10 tháng trở lên (trong năm) trước khi có quyết định chuyển công tác thì đơn vị cũ xem xét bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.

Điều 9. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Là người tiêu biểu trong số người đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc Chiến sĩ tiên tiến trong năm.

2. Có sáng kiến, cải tiến, giải pháp mới, kỹ thuật mới hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; Đề tài sáng kiến, cải tiến được Hội đồng xét duyệt sáng kiến đơn vị cơ sở xét công nhận; Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận chiến sĩ thi đua cơ sở quyết định thành lập.

Điều 10. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

2. Có ít nhất 01 sáng kiến, giải pháp mới, đề tài nghiên cứu để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả được phổ biến và áp dụng rộng rãi trong ngành thuộc tỉnh trở lên, được Hội đồng xét duyệt đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh hoặc Sở Khoa học Công nghệ công nhận.

Điều 11. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

Được xét tặng hàng năm cho những cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số cá nhân 2 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương”; có sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu của cá nhân có phạm vi ảnh hưởng

rộng trong toàn quốc, được Hội đồng khoa học sáng kiến cấp tỉnh, Bộ, ngành Trung ương công nhận.

Điều 12. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến

Được xét tặng hàng năm cho tập thể trong cơ cấu tổ chức bộ máy thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể và cấp tương đương của tỉnh; các đơn vị, trường học, bệnh viện và các khoa, phòng, ban chuyên môn trực thuộc và tương đương; xí nghiệp, phân xưởng, đội sản xuất trực thuộc đơn vị; các phòng, ban, hội đoàn thể và cấp tương đương thuộc huyện, thị xã, thành phố; tập thể cán bộ công chức xã, phường, thị trấn, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao trong năm.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; Tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổ chức đoàn thể trong đơn vị đạt khá trở lên.

Điều 13. Danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, đơn vị quyết thắng

Được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số tập thể được công nhận tập thể Lao động tiên tiến, đơn vị tiên tiến đạt được các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước.
2. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.
3. Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước. Tổ chức Đảng, đoàn thể của cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh hoặc vững mạnh.

Điều 14. Danh hiệu Gia đình văn hóa, Gia đình văn hóa tiêu biểu

1. Danh hiệu Gia đình văn hóa được xét tặng hàng năm cho các hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thời gian sinh sống, cư trú từ 12 tháng trở lên trên địa bàn dân cư tính tại thời điểm xét.
- b) Gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú.
- c) Gia đình no ấm, bình đẳng, hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.
- d) Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh lành mạnh, đúng pháp luật; Các con trong gia đình trong độ tuổi đi học đều được đến trường, chăm ngoan, học tập đạt học sinh tiên tiến, hạnh kiểm tốt. Trong gia đình có người là đảng viên phải được phân loại đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; cán bộ công chức, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang phải được công nhận Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.

Ngoài các tiêu chuẩn trên, việc xét danh hiệu Gia đình văn hóa còn được thực hiện theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

2. Danh hiệu Gia đình văn hóa tiêu biểu được xét công nhận hàng năm trong số hộ gia đình đạt các danh hiệu gia đình văn hóa.

Điều 15. Danh hiệu Thôn (Buôn, Khu phố, Tổ dân phố) văn hóa

Được xét công nhận hàng năm cho các thôn đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đời sống kinh tế nhân dân trong thôn ổn định và từng bước phát triển, không còn hộ đói; hộ nghèo năm sau phải giảm hơn năm trước.

2. Đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú, môi trường cảnh quan văn minh sạch đẹp, không bị ô nhiễm.

3. Tình hình an ninh chính trị trật tự xã hội được giữ vững. Trong năm không có người bị pháp luật truy tố; không có người hành nghề mê tín dị đoan; không có người buôn bán các loại hàng hóa thuộc danh mục quốc cấm, người nghiện ma túy và không có tổ chức hoạt động mại dâm.

4. Chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước. Không có người sinh con thứ 3 trở lên (trừ các trường hợp được pháp luật cho phép).

5. Nhân dân có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

Ngoài các tiêu chuẩn trên, việc xét danh hiệu Thôn (Buôn, Khu phố, Tổ dân phố) văn hóa còn được thực hiện theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 16. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

Được xét tặng hàng năm cho các đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành xuất sắc toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao; nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng (nếu có) đạt trong sạch, vững mạnh, các đoàn thể chính trị vững mạnh.

2. Phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các Khối, Cụm thi đua bằng hình thức bỏ phiếu tôn vinh đơn vị dẫn đầu Khối, Cụm thi đua của tỉnh; dẫn đầu Khối thi đua thuộc các sở, ban, ngành, địa phương.

Điều 17. Cờ thi đua của Chính phủ

Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc.

2. Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập.

3. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

4. Lựa chọn trong số những tập thể đã được tặng “Cờ thi đua của tỉnh”, bao gồm: những tập thể dẫn đầu trong từng lĩnh vực, ngành nghề toàn quốc và những tập thể tiêu biểu nhất trong các phong trào thi đua toàn quốc của tỉnh.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 18. Giấy khen

1. Được tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua được phát động theo chuyên đề, tặng thưởng cho tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị (khen thưởng đột xuất).

2. Tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, chỉ thị, nghị định, nghị quyết... (khen thưởng chuyên đề).

3. Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 19. Bằng khen của UBND tỉnh tặng thưởng cho các đối tượng sau

1. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản trong khắc phục hậu quả thiên tai, được biểu dương người tốt, việc tốt, đạt các giải trong các kỳ thi, Hội thi, Hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng đột xuất).

2. Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều thành tích, công lao đóng góp xây dựng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (khen đối ngoại).

3. Đơn vị xếp thứ nhì, ba,... thuộc Khối, Cụm thi đua tỉnh tổ chức.

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết... của Đảng, nhà nước, của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; theo giai đoạn sơ kết, tổng kết các đợt thi đua theo chuyên đề, đột xuất của tỉnh (khen thưởng theo chuyên đề).

5. Tặng thưởng hàng năm cho các cá nhân, tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và nghĩa vụ công dân;
- + Đạt 02 lần liên tục danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- + Có phẩm chất, đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; đi đầu trong các phong trào thi đua. Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội;

- + Nếu là đảng viên phải được phân loại đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Đối với tập thể:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- + Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua;
- + Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;
- + Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;
- + Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;
- + Đạt 02 lần liên tục Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng.

Đối với doanh nghiệp và Giám đốc doanh nghiệp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội và môi trường, sinh thái, thực hiện tốt an sinh xã hội,...

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 20. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng thưởng: Cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước quyết định khen thưởng.

2. Người đứng đầu của cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định tặng thưởng giấy khen, công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở. Đề nghị cấp trên khen thưởng Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng trở lên.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, buôn, khu phố văn hóa, tổ dân phố văn hóa.

4. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận Gia đình văn hóa, Gia đình văn hóa tiêu biểu. Đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của cấp trên khen thưởng.

5. Đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh: Công ty TNHH, Công ty cổ phần, xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp liên doanh nước ngoài do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp xem xét, quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch UBND huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) nơi cơ quan, đơn vị có trụ sở làm việc quyết định công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 21. Thẩm quyền và quy trình xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng: Huân, Huy chương các loại, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng báo cáo ra Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét thống nhất trình:

a) Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xem xét trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập các hạng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương lao động các hạng cho cán bộ có quá trình công tác cống hiến lâu dài. Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất cho ý kiến chỉ đạo thực hiện thì Chủ tịch UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, đề nghị Chủ tịch Nước quyết định tặng thưởng.

Đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, công nhận.

b) Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch Nước quyết định tặng thưởng: Huân chương các loại (ngoài các loại Huân chương đã quy định tại điểm a của Điều này), Huy chương các loại, danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ xem xét, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của cấp trên có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định khen thưởng. Hồ sơ thiếu điều kiện, tiêu chuẩn không xem xét lại.

Điều 22. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch Nước thực hiện theo các quy định từ Điều 53 đến Điều 65 tại Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

(Riêng báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng gồm: 05 bản chính và 25 bản tóm tắt).

2. Hồ sơ, thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh gồm:

a) Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp (03 bộ).

b) Biên bản họp xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của địa phương, đơn vị (03 bộ);

c) Báo cáo thành tích của đối tượng đề nghị khen thưởng (theo đúng mẫu quy định).

d) Cá nhân Giám đốc và đơn vị doanh nghiệp phải có giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm các quy định về vệ sinh công nghiệp và môi trường, sinh thái của cơ quan có thẩm quyền quy định.

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, ngoài quy định trên kèm theo kết quả bỏ phiếu bầu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở phải đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng, không tính trên số thành viên có mặt tham dự xét và đề tài khoa học, sáng kiến, giải pháp mới của năm đề nghị danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” được phổ biến và áp dụng rộng rãi trong ngành thuộc tỉnh trở lên, được Hội đồng

xét duyệt đề tài khoa học công nhận sáng kiến, cấp tỉnh hoặc Sở Khoa học và Công nghệ công nhận.

Điều 23. Cơ quan trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, quỹ lương hoặc có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng cho đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý.

2. Việc khen thưởng Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Đại biểu Hội đồng nhân dân và tập thể Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo mục 2, Điều 53, Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Trường hợp các tổ chức, cá nhân ở ngoài ngành, huyện, thị xã, thành phố và tỉnh có thành tích hoặc có nhiều công lao đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành của tỉnh khen thưởng là chính, hoặc có văn bản nhận xét đề nghị của cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng; trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc có đóng góp lớn trong xây dựng, củng cố, phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh cho địa phương mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

4. Các cơ quan, ban, ngành, địa phương nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, thi ngành đó, địa phương đó chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ để hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, tiêu chuẩn cho đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được tập thể Ban chỉ đạo hoặc Ban tổ chức thực hiện chuyên đề đó xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để nêu gương học tập trong toàn tỉnh.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất cho các tấm gương có hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm,.. trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị của tỉnh).

Điều 24. Thời gian trình và giải quyết hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hàng năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30 tháng 01 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục - Đào tạo trước ngày 15 tháng 9 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết chuyên đề, chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất gửi trước ít nhất 03 ngày làm việc.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng hàng năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30 tháng 01 năm sau; khen thưởng công tác đền ơn đáp nghĩa, khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc trước ngày 15 tháng 6; khen thưởng năm học ngành Giáo dục - Đào tạo trước ngày 15 tháng 9 hàng năm.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm kiểm tra, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng trong thời gian 10 ngày làm việc (trừ khen

thường đột xuất), trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định khen (đối với hồ sơ hợp lệ).

Điều 25. Nghi thức tổ chức trao tặng và đón nhận, thực hiện theo các quy định tại Nghị định 154/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về nghi thức nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua lập thành tích cao hơn. Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp, xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

Nếu có nhiều trường hợp được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận chung trong một buổi lễ; trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của địa phương, đơn vị, ngày lễ lớn của đất nước thì tổ chức trao tặng kết hợp trong buổi lễ kỷ niệm. Các trường hợp khen thưởng đột xuất do đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 26. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài, các nguồn hợp pháp khác cụ thể như sau:

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh được bố trí tối đa bằng 1% chi ngân sách thường xuyên hàng năm của tỉnh.

2. Quỹ thi đua khen thưởng của các huyện, thị xã, thành phố đồng bằng được trích tối đa 1%; huyện miền núi được trích tối đa 1,5% chi ngân sách thường xuyên hàng năm của cấp huyện.

3. Quỹ thi đua khen thưởng của xã, phường, thị trấn thuộc khu vực đồng bằng được trích tối đa 1%; xã, thị trấn thuộc miền núi được trích tối đa 1,5% chi thường xuyên hàng năm của ngân sách xã, phường, thị trấn.

4. Đối với các đơn vị được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, bố trí kinh phí khen thưởng cùng với phân bổ dự toán chi theo mục lục ngân sách nhà nước với mức bằng 3% tổng quỹ lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức theo biên chế được duyệt cả năm (không bao gồm các khoản phụ cấp và các khoản trích theo lương) của đơn vị để thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác tại cơ quan, đơn vị. Đối với những ngành có số lao động dưới 50 người, có phong trào thi đua tốt, cho phép bố trí đến 4% tổng quỹ lương.

Đối với các đơn vị có các đơn vị đầu mối trực thuộc có đủ thẩm quyền quyết định khen thưởng trên cơ sở nguồn tiền được trích lập tại đơn vị cấp dưới. Đơn vị cấp dưới chi thưởng trong quỹ khen thưởng của đơn vị mình.

5. Quỹ thi đua khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp, các hợp tác xã... thực hiện theo các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 67 Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 27. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng cấp tỉnh do cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh quản lý, quỹ thi đua, khen thưởng cấp huyện, cấp xã do cấp đó quản lý. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị do cấp mình quản lý.

1. Tập thể, cá nhân thực hiện các dự án, chương trình, chuyên đề, phong trào... được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, nguồn tiền thưởng được trích từ các dự án, chương trình, chuyên đề, phong trào đó để chi thưởng. Trường hợp các chương trình, chuyên đề, phong trào không có nguồn kinh phí hoạt động thì sử dụng từ quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh để chi.

2. Quỹ thi đua khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng quỹ theo quy định hiện hành.

3. Cuối năm quỹ thi đua khen thưởng còn dư chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua khen thưởng.

4. Bằng khen UBND tỉnh khen thưởng hàng năm cho các cá nhân, tập thể, Tập thể lao động xuất sắc; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được UBND tỉnh quyết định công nhận, tiền thưởng do cấp đề nghị chi.

5. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương (tiền thưởng, vật kỷ niệm) do Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương quy định và chi từ quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị ký tặng hoặc do ngành tỉnh, địa phương có cá nhân công tác để chi.

6. Tiền thưởng đột xuất các hình thức bằng khen, giấy khen có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực thể dục thể thao, văn hóa, nghệ thuật, văn hóa xã hội... khen thưởng đối ngoại cấp nào đề nghị khen thưởng thì cấp đó chi.

7. Tiền thưởng đột xuất, khen đối ngoại, tặng Cờ thi đua, tặng Bằng khen nhất, nhì, ba... dẫn đầu Khối, Cụm thi đua cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng... được Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng được chi từ nguồn quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh.

8. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước cho tập thể và các nhân có thành tích xuất sắc thuộc phạm vi UBND tỉnh xét trình khen thưởng được chi từ nguồn quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh.

Điều 28. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi

1. Đối với các đơn vị thụ hưởng định mức nguồn kinh phí ngân sách nhà nước:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân có quyết định khen thưởng.

b) Chi in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, khung giấy khen, bằng khen... cho tập thể, cá nhân có quyết định khen thưởng.

2. Đối với quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh:

a) Chi tiền thưởng cho tập thể, cá nhân do Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Nước quyết định khen thưởng thuộc phạm vi UBND tỉnh xét trình.

b) Chi thưởng cho tập thể, cá nhân do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng đột xuất, khen đối ngoại, tặng Cờ thi đua và Bằng khen nhất, nhì, ba... dẫn đầu Khối, Cụm thi đua của tỉnh và dẫn đầu khối thi đua của huyện thành phố, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

c) Chi thưởng các trường hợp, chương trình, chuyên đề phong trào không có nguồn kinh phí hoạt động thì sử dụng từ quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh để chi.

d) Chi in ấn giấy chứng nhận, bằng khen, khung bằng khen, thêu cờ thi đua... do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

3. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua theo Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng gồm: chi công tác tuyên truyền nhân điển hình; chi cho hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; lễ trao thưởng, lễ phát động phong trào thi đua; chi tổ chức hoạt động Khối, Cụm thi đua; chi đi công tác trình cấp trên khen thưởng và bảo vệ thành tích về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương hàng năm. Mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng được khen thưởng nếu đạt được các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau, thì được nhận tiền thưởng (hoặc tặng phẩm kèm theo) đối với mỗi danh hiệu và hình thức khen thưởng có mức thưởng cao nhất.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, các danh hiệu đó có thời gian để đạt được thành tích khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu.

Điều 29. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 Nghị định 42/2010/NĐ-CP, ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Riêng mức tiền thưởng cho các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và phòng, ban trực thuộc huyện, thị xã, thành phố được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng Cờ thi đua xuất sắc bằng một nửa tiền thưởng kèm theo Cờ thi đua xuất sắc cho đơn vị dẫn đầu Khối, Cụm thi đua do UBND tỉnh tổ chức.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp tổ chức triển khai Quy chế này trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình để thực hiện.

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện đúng theo Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự